

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM



NGUYỄN HỮU THỌ

**NGHIÊN CỨU HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH
KHUYẾN NGŨ NHẪM PHÁT TRIỂN NUÔI TRỒNG
THỦY SẢN VÙNG VEN BIỂN BẮC BỘ**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP - 2016

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

NGUYỄN HỮU THỌ

**NGHIÊN CỨU HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH
KHUYẾN NGŨ NHẪM PHÁT TRIỂN NUÔI TRỒNG
THỦY SẢN VÙNG VEN BIỂN BẮC BỘ**

Chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp

Mã số: 62 62 01 15

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS. Nguyễn Nguyên Cự

2. TS. Đinh Văn Đăn

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi; các kết quả nghiên cứu trong luận án là trung thực, khách quan và chưa từng dùng để bảo vệ lấy bất kỳ học vị nào.

Tôi xin cam đoan các thông tin và số liệu trích dẫn trong luận án đều đã được chỉ rõ nguồn gốc.

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

Tác giả luận án

Nguyễn Hữu Thọ

LỜI CẢM ƠN

Trong thời gian học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận án, tôi đã nhận được sự giúp đỡ của nhiều cơ quan và cá nhân trong cũng như ngoài cơ sở đào tạo. Nhân dịp này, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới:

- Ban Giám đốc và Ban Quản lý đào tạo, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Lãnh đạo và thầy cô giáo Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam;
- Lãnh đạo và thầy cô giáo Bộ môn Kinh tế nông nghiệp và Chính sách, Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam;
- Một số cán bộ lãnh đạo và chuyên viên khuyến nông, khuyến ngư, cán bộ nông nghiệp đang công tác tại Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và các địa phương vùng nghiên cứu, gồm: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định và Ninh Bình;
- Lãnh đạo Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương, một số cán bộ quản lý, nhà khoa học, bạn bè, đồng nghiệp và gia đình.

Đặc biệt, tôi luôn ghi ơn và bày tỏ lòng kính trọng tới tập thể người hướng dẫn khoa học đó là PGS.TS. Nguyễn Nguyên Cự và TS. Đinh Văn Đăn; các thầy đã luôn động viên, tận tình hướng dẫn và giúp đỡ tôi trong suốt quá trình thực hiện luận án.

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

Nghiên cứu sinh

Nguyễn Hữu Thọ

MỤC LỤC

| | |
|--|----------|
| Lời cam đoan | i |
| Lời cảm ơn | ii |
| Mục lục | iii |
| Danh mục chữ viết tắt | vi |
| Danh mục bảng | vii |
| Danh mục đồ thị | x |
| Trích yếu luận án | xi |
| Thesis abstract | xiii |
| PHẦN 1 MỞ ĐẦU | 1 |
| 1.1 Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu | 1 |
| 1.2 Mục tiêu nghiên cứu | 4 |
| 1.3 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu | 4 |
| 1.4 Những đóng góp mới của luận án | 5 |
| PHẦN 2 TỔNG QUAN VỀ NGHIÊN CỨU HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH KHUYẾN NGƯ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN VÙNG VEN BIỂN | 6 |
| 2.1 Cơ sở lý luận về hoàn thiện chính sách khuyến ngư nuôi trồng thủy sản vùng ven biển | 6 |
| 2.1.1 Một số khái niệm | 6 |
| 2.1.2 Vai trò của chính sách khuyến ngư nuôi trồng thủy sản vùng ven biển | 10 |
| 2.1.3 Đặc điểm của nghiên cứu hoàn thiện chính sách khuyến ngư nuôi trồng thủy sản vùng ven biển | 12 |
| 2.1.4 Mục đích nghiên cứu hoàn thiện chính sách khuyến ngư nuôi trồng thủy sản vùng ven biển | 13 |
| 2.1.5 Nội dung nghiên cứu hoàn thiện chính sách khuyến ngư nuôi trồng thủy sản vùng ven biển | 15 |
| 2.1.6 Các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách khuyến ngư nuôi trồng thủy sản vùng ven biển | 18 |
| 2.2 Thực tiễn về hoàn thiện chính sách khuyến ngư nuôi trồng thủy sản vùng ven biển | 22 |
| 2.2.1 Mô hình khuyến ngư và xu hướng hoàn thiện chính sách khuyến ngư trên thế giới | 22 |
| 2.2.2 Kinh nghiệm hoàn thiện một số vấn đề trong chính sách khuyến ngư ở một số nước trên thế giới | 26 |

| | | |
|---|--|----|
| 2.2.3 | Khái quát về hệ thống chính sách khuyến ngư ở Việt Nam | 32 |
| 2.2.4 | Bài học kinh nghiệm cho nghiên cứu hoàn thiện chính sách khuyến ngư nuôi trồng thủy sản vùng ven biển Bắc Bộ | 38 |
| PHẦN 3 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU | | 41 |
| 3.1 | Đặc điểm địa bàn nghiên cứu | 41 |
| 3.1.1 | Vị trí địa lý | 41 |
| 3.1.2 | Đặc điểm tự nhiên | 41 |
| 3.1.3 | Đặc điểm kinh tế - xã hội | 43 |
| 3.1.4 | Đặc điểm nuôi trồng thủy sản vùng ven biển | 44 |
| 3.2 | Phương pháp tiếp cận và khung phân tích | 47 |
| 3.2.1 | Phương pháp tiếp cận | 47 |
| 3.2.2 | Khung phân tích | 50 |
| 3.3 | Phương pháp nghiên cứu | 52 |
| 3.3.1 | Phương pháp thu thập thông tin | 52 |
| 3.3.2 | Phương pháp phân tích số liệu | 55 |
| 3.4 | Hệ thống chỉ tiêu phân tích | 60 |
| 3.4.1 | Phân tổ thống kê số liệu điều tra | 60 |
| 3.4.2 | Một số chỉ tiêu phân tích | 60 |
| PHẦN 4 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH KHUYẾN NGƯ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN VÙNG VEN BIỂN BẮC BỘ | | 64 |
| 4.1 | Hoạch định chính sách khuyến ngư nuôi trồng thủy sản vùng ven biển Bắc Bộ | 64 |
| 4.1.1 | Tình hình ban hành chính sách khuyến ngư | 64 |
| 4.1.2 | Mục tiêu, đối tượng thụ hưởng chính sách khuyến ngư | 68 |
| 4.1.3 | Nội dung cơ bản của chính sách khuyến ngư | 69 |
| 4.2. | Tổ chức triển khai chính sách khuyến ngư nuôi trồng thủy sản vùng ven biển Bắc Bộ | 72 |
| 4.2.1 | Quản lý nhà nước về khuyến ngư | 72 |
| 4.2.2 | Chủ thể tổ chức các hoạt động khuyến ngư | 73 |
| 4.2.3 | Loại hình hoạt động khuyến ngư | 76 |
| 4.2.4 | Kinh phí cho khuyến ngư | 77 |
| 4.2.5 | Tuyên truyền, kiểm tra và giám sát hoạt động khuyến ngư | 79 |
| 4.3 | Kết quả triển khai và tác động của chính sách khuyến ngư đến nuôi trồng thủy sản vùng ven biển Bắc Bộ | 81 |
| 4.3.1 | Hoạt động thông tin tuyên truyền | 81 |

| | | |
|---|--|-----|
| 4.3.2 | Hoạt động tập huấn, đào tạo | 84 |
| 4.3.3 | Hoạt động xây dựng và thăm quan mô hình | 89 |
| 4.3.4 | Hoạt động tư vấn khuyến ngư: với hình thức cán bộ đến tư vấn | 94 |
| 4.3.5 | Hoạt động tư vấn khuyến ngư: với hình thức hộ đi tư vấn cán bộ | 97 |
| 4.3.6 | Đánh giá tổng hợp kết quả triển khai và tác động của chính sách | 100 |
| 4.4. | Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách khuyến ngư nuôi trồng thủy sản vùng ven biển Bắc Bộ | 106 |
| 4.4.1 | Yếu tố ảnh hưởng đến hoạch định chính sách | 106 |
| 4.4.2 | Yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức triển khai chính sách | 110 |
| 4.5 | Đánh giá chung về thực trạng chính sách khuyến ngư nuôi trồng thủy sản vùng ven biển Bắc Bộ | 120 |
| 4.5.1 | Mức độ cần hoàn thiện của chính sách | 120 |
| 4.5.2 | Những bất cập và hạn chế | 123 |
| 4.5.3 | Nguyên nhân của những bất cập và hạn chế | 125 |
| PHẦN 5 GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH KHUYẾN NGƯ NHẪM PHÁT TRIỂN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN VÙNG VEN BIỂN BẮC BỘ | | 127 |
| 5.1 | Bối cảnh phát triển liên quan đến khuyến ngư nuôi trồng thủy sản vùng ven biển Bắc Bộ | 127 |
| 5.1.1 | Bối cảnh thế giới | 127 |
| 5.1.2 | Bối cảnh trong nước và khu vực ven biển Bắc Bộ | 128 |
| 5.2 | Quan điểm, định hướng về khuyến ngư và chính sách khuyến ngư nuôi trồng thủy sản ven biển Bắc Bộ | 129 |
| 5.2.1 | Quan điểm | 129 |
| 5.2.2 | Định hướng | 130 |
| 5.3 | Một số giải pháp hoàn thiện chính sách khuyến ngư nhằm phát triển nuôi trồng thủy sản vùng ven biển Bắc Bộ | 133 |
| 5.3.1 | Nhóm giải pháp cho hoạch định chính sách | 133 |
| 5.3.2 | Nhóm giải pháp cho tổ chức triển khai chính sách | 141 |
| PHẦN 6 KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ | | 148 |
| 6.1 | Kết luận | 148 |
| 6.2 | Kiến nghị | 149 |
| Danh mục công trình đã công bố | | 151 |
| Tài liệu tham khảo | | 152 |
| Phụ lục | | 162 |

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

| Chữ viết tắt | Nghĩa tiếng Việt |
|---------------------|--|
| CNTT | Công nghệ thông tin |
| ĐVT | Đơn vị tính |
| FAO | Tổ chức Nông Lương của Liên hiệp quốc (Food and Agriculture Organization of the United Nations) |
| GDP | Tổng sản phẩm trong nước (Gross domestic product) |
| HTX | Hợp tác xã |
| KN | Khuyến ngư |
| KNĐB | Khuyến ngư đặc biệt |
| KNQG | Khuyến nông quốc gia |
| KT-XH | Kinh tế - xã hội |
| NĐ | Nghị định |
| NGO | Tổ chức phi chính phủ (Non - governmental organization) |
| NN | Nông nghiệp |
| NTTS | Nuôi trồng thủy sản |
| PTNT | Phát triển nông thôn |
| QĐ | Quyết định |
| TB | Trung bình |
| UBND | Ủy ban nhân dân |
| UNDP | Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc (United Nations Development Programme) |
| XĐGN | Xóa đói giảm nghèo |

DANH MỤC BẢNG

| TT | Tên bảng | Trang |
|-----------|---|--------------|
| 2.1 | Diện tích nuôi trồng thủy sản mặn, lợ toàn quốc | 33 |
| 2.2 | Ngân sách địa phương chi cho khuyến nông, khuyến lâm và khuyến ngư ở các tỉnh ven biển Việt Nam giai đoạn 2011 - 2015 | 35 |
| 3.1 | Diện tích nuôi trồng thủy sản ven biển Bắc Bộ năm 2014 | 45 |
| 3.2 | Sản lượng thủy sản nuôi ven biển Bắc Bộ năm 2014 | 46 |
| 3.3 | Chọn địa điểm điều tra thu thập thông tin sơ cấp | 52 |
| 3.4 | Số lượng phiếu điều tra phân theo đối tượng | 54 |
| 3.5 | Cách xác định điểm đánh giá trung bình về chính sách | 58 |
| 3.6 | Tiêu chí và mục tiêu phân tổ số liệu điều tra | 60 |
| 4.1 | Chính sách Trung ương có liên quan đến khuyến ngư nuôi trồng thủy sản vùng ven biển Bắc Bộ | 65 |
| 4.2 | Ý kiến đánh giá của cán bộ Trung ương và tỉnh về mức độ ổn định, kịp thời và đồng bộ của chính sách khuyến ngư | 67 |
| 4.3 | Ý kiến đánh giá của cán bộ Trung ương và tỉnh về mục tiêu và đối tượng thụ hưởng chính sách khuyến ngư | 68 |
| 4.4 | Ý kiến đánh giá của cán bộ Trung ương và tỉnh về các quy định trong chính sách khuyến ngư nuôi trồng thủy sản ven biển Bắc Bộ | 71 |
| 4.5 | Ý kiến đánh giá của cán bộ Trung ương và tỉnh về thu hút tư nhân vào các hoạt động khuyến ngư nuôi trồng thủy sản ven biển Bắc Bộ | 76 |
| 4.6 | Ý kiến cán bộ Trung ương và tỉnh về quy trình lựa chọn dự án, hoạt động khuyến ngư nuôi trồng thủy sản vùng ven biển Bắc Bộ | 77 |
| 4.7 | Ngân sách cho khuyến ngư nuôi trồng thủy sản ven biển Bắc Bộ trung bình 1 năm giai đoạn 2012 - 2014 | 78 |
| 4.8 | Mức độ hiểu biết của ngư dân về một nội dung trong chính sách khuyến ngư | 79 |
| 4.9 | Ý kiến đánh giá của cán bộ Trung ương và tỉnh về công tác kiểm tra, khen thưởng trong lĩnh vực khuyến ngư ven biển Bắc Bộ | 80 |
| 4.10 | Kết quả tuyên truyền trung bình 1 năm giai đoạn 2012 - 2014 | 81 |

| | | |
|------|---|-----|
| 4.11 | Tỷ lệ áp dụng và hiệu quả kinh tế của thông tin đại chúng | 83 |
| 4.12 | Kết quả tập huấn, đào tạo trung bình 1 năm giai đoạn 2012 - 2014 | 84 |
| 4.13 | Mức độ tham gia các lớp tập huấn trung bình 1 năm của các hộ nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2012 - 2014 | 85 |
| 4.14 | Các đơn vị tổ chức tập huấn đào tạo cho hộ thủy sản (%) | 86 |
| 4.15 | Tỷ lệ áp dụng và hiệu quả kinh tế của tập huấn (%) | 88 |
| 4.16 | Kết quả xây dựng và thăm quan mô hình trung bình 1 năm giai đoạn 2012 - 2014 | 89 |
| 4.17 | Mức độ tham gia các chuyến thăm quan trung bình 1 năm giai đoạn 2012 - 2014 | 90 |
| 4.18 | Các đơn vị tổ chức thăm quan học tập cho hộ thủy sản | 91 |
| 4.19 | Tỷ lệ hộ bỏ thêm tiền khi đi thăm quan học tập | 92 |
| 4.20 | Tỷ lệ áp dụng và hiệu quả kinh tế của thăm quan | 93 |
| 4.21 | Mức độ tiếp cận với dịch vụ tư vấn trong năm của hộ nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2012 - 2014 | 94 |
| 4.22 | Các tổ chức đến nhà hoặc vùng nuôi tư vấn cho hộ thủy sản | 95 |
| 4.23 | Tỷ lệ áp dụng và hiệu quả kinh tế của hình thức cán bộ đến nhà hoặc vùng nuôi để tư vấn cho hộ | 97 |
| 4.24 | Mức độ hộ nuôi trồng thủy sản tự đi tư vấn cán bộ trung bình 1 năm giai đoạn 2012 - 2014 | 98 |
| 4.25 | Các tổ chức và cá nhân hộ thủy sản hay đến tư vấn | 99 |
| 4.26 | Tỷ lệ áp dụng và hiệu quả kinh tế của hình thức đi tư vấn cán bộ | 100 |
| 4.27 | Sự tham gia của các chủ thể trong tổ chức các hoạt động khuyến ngư nuôi trồng thủy sản vùng ven biển Bắc Bộ | 102 |
| 4.28 | Tác động của khuyến ngư đến hiệu quả kinh tế nuôi trồng thủy sản | 105 |
| 4.29 | Điểm đánh giá của hộ về mức độ đáp ứng nhu cầu thông tin do khuyến ngư cung cấp so với nhu cầu thực tế nuôi trồng thủy sản | 105 |
| 4.30 | Ý kiến đánh giá của cán bộ Trung ương và tỉnh về quy trình và sự tham gia của các chủ thể vào quy trình xây dựng chính sách | 108 |